

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2021/DS-ST

Ngày 29 - 12 - 2021

V/v: "T/c Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Võ Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện - Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2021/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Ngọc T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Nguyễn H, xã Vĩnh T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thanh D, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh P, xã Vĩnh P1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Danh Thị H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Lương T1, xã Vĩnh P2, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Danh T, xã Vĩnh P2, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Ngọc T trình bày:*

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2014, bà Lâm Thanh D có mượn của bà số tiền 22.000.000đồng, đến ngày 28 tháng 11 năm 2014 mượn thêm 5.000.000đồng, cộng chung 27.000.000đồng, có làm biên nhận viết tay, khi đến hạn bà D không trả nên bà nhờ cấp chính quyền địa phương giải quyết nhưng bà D vẫn không trả. Do đó, bà yêu cầu bà Lâm Thanh D phải trả cho bà số tiền còn thiếu là 27.000.000đồng, lãi suất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền 22.000.000đồng từ ngày 19/11/2014 và 5.000.000đồng từ ngày 28/11/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Tại bản tự khai đề ngày 06 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thanh D trình bày:*

Bà thừa nhận có mượn tiền của bà T như lời bà T trình bày, mục đích mượn là mượn dùm cho anh chồng, khi hỏi mượn hứa 05 tháng trả, đến cuối tháng 4 năm 2015 anh chồng bà chưa bán khoai kịp bà sợ thất hứa nên bà mượn của bà Lê Hồng Xuân 27.000.000đồng đem trả cho bà T, phần lãi bà đã đóng cho bà T hàng tháng bằng 1.890.000đ/tháng. Khi trả tiền gốc xong bà có xin lại biên nhận thì bà T nói quên đem biên nhận vô và hứa vài ngày sau đem gửi biên nhận gốc cho bà, do bà chủ quan vì nghĩ chỗ bạn thân nên không lấy lại biên nhận. Lúc trả tiền có bà H chứng kiến và bà H có hỏi lại của bà T 10.000.000đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ý kiến bà như sau: Do bà đã trả đủ số tiền 27.000.000đồng cho bà T rồi nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Tại tờ tường trình ngày 18 tháng 5 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Danh Thị H trình bày:*

Bà với bà Phan Ngọc T, bà Lâm Thanh D không có mối quan hệ bà con thân thích gì, chỉ quan biết nhau qua công việc nhưng có niềm tin tưởng với nhau. Bà được biết bà D có vay tiền của bà T nhưng không biết rõ số tiền bao nhiêu, không nhớ rõ ngày tháng nhưng khi bà D trả tiền vay cho bà T vào năm 2015 thì lúc đó có mặt bà và bà có hỏi vay lại của bà T 10.000.000đồng, lãi suất 70.000đ/1.000.000đ/tháng (có làm biên nhận bà T giữ) nhưng bà đã trả nợ cho bà T xong. Còn việc có vay nợ gì nữa hay không giữa bà T, bà D thì bà không được biết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 11 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Lê Thị Đ trình bày:*

Bà với bà Phan Ngọc T, bà Lâm Thanh D không có mối quan hệ bà con thân thích gì, chỉ quan biết nhau qua công việc (thời điểm trước năm 2019 bà Lê Thị Đ làm Bí thư kiêm trưởng ấp Danh Thới, xã Vĩnh Phú nhưng nay bà đã nghỉ việc). Bà không trực tiếp chứng kiến việc bà D vay tiền của bà T nhưng có nghe người khác nói lại việc bà D vay tiền của bà T 27.000.000đồng, do thời gian quá lâu nên bà không nhớ rõ năm nào. Bà cũng không nghe việc bà D đã trả tiền vay cho bà T kể từ đó cho đến nay.

** Tại phiên tòa:*

Bà Phan Ngọc T xác định như sau: Bà Lâm Thanh D có vay tiền của bà 02 lần 01 lần vào ngày 19/11/2014 bằng 22.000.000đồng và ngày 28/11/2014 bằng 5.000.000đồng, cộng chung 27.000.000đồng. Do quen biết nên bà không có làm đơn thưa kiện mà chỉ nhắc nhở trả nợ, bà D có trả được 1.400.000đồng rồi ngưng luôn. Đến ngày 18/6/2020 bà mới làm đơn nhờ chính quyền giải quyết. Tại đây bà D có thừa nhận có vay tiền của bà 27.000.000đồng nhưng đã trả rồi. Nay bà đồng ý trừ đi cho bà D số tiền bà D đóng lời 1.400.000đồng nhập vào vốn gốc cụ thể 27.000.000đồng trừ 1.400.000đồng, còn lại 25.600.000đồng, bà D phải trả đủ cho bà 01 lần và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 18/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Lâm Thanh D vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án; xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử nên đề nghị khắc phục về sau.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Phan Ngọc T và bà Lâm Thanh D tự nguyện thỏa thuận và xác lập hợp đồng vay là phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T có đòi bà D trả tiền vay còn thiếu và đã được chính quyền địa phương giải quyết bà D thừa nhận nhưng không thành. Do đó, việc bà D không thanh toán tiền vay còn thiếu cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản.

- Bà D cho rằng đã trả xong tiền vay 27.000.000đồng cho bà T nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ. Những người làm chứng cũng không cung cấp được chứng cứ để xác định việc bà D đã trả nợ cho bà T.

- Bà T yêu cầu tính lãi theo quy định Nhà nước đối với số tiền 25.600.000đồng kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm là ngày chính quyền địa phương giải quyết ngày 18/6/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc T, xử buộc bà Lâm Thanh D phải trả cho bà Phan Ngọc T tiền vay gốc còn nợ là 25.600.000đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, bà Lâm Thanh D còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Lâm Thanh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Người làm chứng bà Danh Thị H vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Tòa án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu bà D phải trả cho bà tiền vay còn thiếu nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu bà D phải trả cho bà số tiền còn thiếu là 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và trả lãi theo quy định Nhà nước kể từ ngày 18/6/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử.

- Xét yêu cầu đòi tiền vay còn thiếu của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự thừa nhận việc bà D có vay của bà T hai lần với số tiền 27.000.000đồng. Do đó, căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật.

[3] Tại phiên tòa, bà T có thay đổi yêu cầu là xác định lại số nợ bà D còn thiếu là 25.600.000đồng so với yêu cầu khởi kiện là 27.000.000đồng đã trừ đi 1.400.000đồng số tiền bà D đóng lời và thời gian trả lãi suất. Việc thay đổi này của bà T không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về giao dịch vay tài sản do hai bên tự nguyện thỏa thuận và xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy các bên không có thỏa thuận việc trả lãi và thời hạn trả nợ vay nhưng đây là hợp đồng vay không xác định thời hạn nên trường hợp bà T muốn thanh toán hợp đồng vay thì phải báo trước cho bà D trong khoảng thời hạn trả nợ hợp lý. Thực tế, bà T có đòi bà D trả tiền vay còn thiếu và đã được chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành. Do đó, việc bà D không thanh toán tiền vay còn thiếu cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản.

- Bà D cho rằng đã trả xong tiền vay 27.000.000đồng cho bà T nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ nên ý kiến bà không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

- Những người làm chứng là bà H và bà Đ có lời khai nhưng không xác định được chính xác việc bà D đã trả nợ cho bà T bao nhiêu tiền nên lời khai của những người làm chứng cũng không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Do đó, căn cứ vào biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp đã được bị đơn thừa nhận đồng thời tại cuộc hòa giải của chính quyền địa phương vào ngày 18 tháng 6 năm 2020 bà D cũng thừa nhận có vay nợ của bà T 02 lần bằng 27.000.000đồng đã trả xong, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà T yêu cầu bà D phải trả cho bà số tiền còn nợ 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể như sau:

- Số tiền vay bà D còn nợ bà T 25.600.000đồng, lãi suất được tính từ ngày quyền và lợi ích của bà T bị xâm phạm là ngày chính quyền địa phương giải quyết ngày 18/6/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 29/12/2021 làm tròn là 18 tháng x 20%/năm tương đương 1,66%/tháng x 25.600.000đồng bằng 7.649.280đồng làm tròn 7.649.000đồng + vốn gốc 25.600.đồng bằng 33.249.000đ (ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

[6] Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà D không trả đủ số tiền trên thì bà D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Phan Ngọc T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005489 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Bà Lâm Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 33.249.000đ x 5% = 1.662.450đồng làm tròn 1.662.000đ (một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc T đối với bà Lâm Thanh D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Xử buộc bà Lâm Thanh D phải trả cho bà Phan Ngọc T 33.249.000đ (ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng);

- Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà D không trả đủ số tiền trên thì bà D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Xử hoàn trả cho bà Phan Ngọc T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005489 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;

- Xử buộc bà Lâm Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 33.249.000đ x 5% = 1.662.450đồng làm tròn 1.662.000đ (một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

- Báo cho bà Phan Ngọc T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 29/12/2021;

- Báo cho bà Lâm Thanh D biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện G;
- Chi cục thi hành án G;
- UBND xã, thị trấn;
- Dương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

LÊ VĂN TÁM